

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-8-2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và
cấp dưỡng nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Lê Đức Dũng.**

2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Công Chức** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Hải** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **238/2025/TLST-HNGĐ**, ngày 03 tháng 6 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐHPTST ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị N**, sinh năm: 1988. (*Vắng mặt*).

Số CCCD: 051188010232; cấp ngày 10-5-2021;

Nơi ĐKTT: **Đường I, tổ A, ấp S, xã X, huyện C (nay là xã C), tỉnh Đồng Nai.**

Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Tấn V**, sinh năm: 1990. (*Vắng mặt*)

Nơi ĐKTT: **Tổ 1, ấp S, xã X, huyện C (nay là xã C), tỉnh Đồng Nai.**

Số CCCD: 075090017909; cấp ngày 09-8-2021;

Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Vợ chồng anh **Trần Tiến T**, sinh năm: 1993. (*Vắng mặt*)

Số CCCD: 079093033604; cấp ngày 10-7-2021;

Chị **Bùi Thị T1**, sinh năm: 1992. (*Vắng mặt*)

Số CCCD: 051192013828; cấp ngày 10-7-2021;

Cùng địa chỉ: Số G Khu phố H, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng nghề nghiệp: Buôn bán; Dân tộc: Kinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-5-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện chị và anh Huỳnh Tấn V đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã X, huyện C (nay là xã C), tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn Số 24/2011, Quyền số I/2011 ngày 28-02-2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không hòa giải được vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2023 đến nay. Thời gian qua vợ chồng có gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn được. Nay chị cảm thấy vợ chồng không thể duy trì cuộc sống chung, nên chị yêu cầu ly hôn anh Huỳnh Tấn V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung tên: Huỳnh Nhất T2, sinh ngày 12-5-2014 và Huỳnh Minh T3, sinh ngày 11-7-2011. Sau ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, chị yêu cầu anh Huỳnh Tấn V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Vợ chồng chị có vay của vợ chồng anh Trần Tiến T, chị Bùi Thị T1 400.000.000 đồng (Giấy viết tay ngày 14-11-2024). Chị yêu cầu chia đôi mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ là 200.000.000 đồng.

- *Bị đơn anh Huỳnh Tấn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Bản tự khai ngày 30-6-2025 trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị Bùi Thị N về diễn biến hôn nhân, con chung, tài sản chung, và nợ chung của anh và chị Bùi Thị N. Chị Bùi Thị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh đồng ý giao 02 người con chung cho chị Bùi Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Bùi Thị N. Anh đồng ý chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ là 200.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Trần Tiến T, chị Bùi Thị T1 vắng mặt nhưng tại Bản tự khai ngày 01-7-2025 thống nhất trình bày:*

Vào ngày 14-11-2022, vợ chồng anh chị có cho vợ chồng anh Huỳnh Tấn V, chị Bùi Thị N vay 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Khoản nợ này vợ

chồng anh chị với vợ chồng anh Huỳnh Tấn V, chị Bùi Thị N tự giải quyết, vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đồng Nai tham gia phiên tòa ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 53, 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị N ly hôn với anh Huỳnh Tấn V; về con chung: Sau khi ly hôn chị Bùi Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên: Huỳnh Nhất T2, sinh ngày 12-5-2014 và Huỳnh Minh T3, sinh ngày 11-7-2011; anh Huỳnh Tấn V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng/02 người con chung, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết; về án phí sơ thẩm: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tư cách tham gia tố tụng và Tòa án có thẩm quyền giải quyết:* Chị Bùi Thị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Huỳnh Tấn V. Như vậy, chị Bùi Thị N là nguyên đơn, anh Huỳnh Tấn V là bị đơn; vợ chồng anh Trần Tiến T, chị Bùi Thị T1 cho vợ chồng anh Huỳnh Tấn V, chị Bùi Thị N vay tiền, nên vợ chồng anh Trần Tiến T, chị Bùi Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Anh Huỳnh Tấn V có nơi cư trú tại xã X, huyện C (nay là xã C), tỉnh Đồng Nai, như vậy Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng :*

Chị Bùi Thị N, vợ chồng anh Trần Tiến T, chị Bùi Thị T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự này.

Anh Huỳnh Tấn V đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh vắng mặt nhiều lần liên tiếp, nên áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2011, Quyền số I/2011 ngày 28-02-2011, Ủy ban nhân dân xã X, **huyện C (nay là xã C), tỉnh Đồng Nai**, cấp cho chị Bùi Thị N và anh Huỳnh Tấn V đúng quy định, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị N và anh Huỳnh Tấn V là hợp pháp.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị Bùi Thị N cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, do anh Huỳnh Tấn V không có trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng chị, ngoại tình, không có

tiếng nói chung, vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2023 đến nay. Thời gian qua vợ chồng có gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn được. Nay chị cảm thấy vợ chồng không thể duy trì cuộc sống chung, nên chị yêu cầu ly hôn anh Huỳnh Tấn V. Anh Huỳnh Tấn V đồng ý ly hôn. Chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của chị Bùi Thị N và anh Huỳnh Tấn V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị Bùi Thị N được ly hôn với anh Huỳnh Tấn V là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về con chung*: Vợ chồng chị Bùi Thị N và anh Huỳnh Tấn V thống nhất có 02 người con tên: Huỳnh Nhất T2, sinh ngày 12-5-2014 và Huỳnh Minh T3, sinh ngày 11-7-2011, sau ly hôn chị Bùi Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, là trùng với nguyện vọng của các con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên ghi nhận.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Bùi Thị N và anh Huỳnh Tấn V thống nhất anh Huỳnh Tấn V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho 02 người con chung là phù hợp quy định của pháp luật, nên ghi nhận.

[7] *Về tài sản*:

Chị Bùi Thị N và anh Huỳnh Tấn V không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[8] *Về nợ chung*:

Chị Bùi Thị N và anh Huỳnh Tấn V thống nhất có nợ vợ chồng anh Trần Tiến T và chị Bùi Thị T1 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng, nhưng vợ chồng anh Trần Tiến T và chị Bùi Thị T1 trình bày để hai bên tự giải quyết, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên không xét.

[9] *Về án phí*:

Chị Bùi Thị N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn;

Anh Huỳnh Tấn V phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Lời phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Đồng Nai phù hợp với sự nhận định trên và chứng cứ có tại hồ sơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 228 và điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Huỳnh Tấn V.

2. Về nuôi con chung:

Chị Bùi Thị N và anh Huỳnh Tấn V có 02 người con tên: Huỳnh Nhất T2, sinh ngày 12-5-2014 và Huỳnh Minh T3, sinh ngày 11-7-2011, sau ly hôn chị Bùi Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, hoặc khi chị Bùi Thị N và anh Huỳnh Tấn V có yêu cầu khác.

Anh Huỳnh Tấn V phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Bùi Thị N mỗi tháng **2.000.000 (Hai triệu)** đồng/02 người con chung.

Anh Huỳnh Tấn V được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Bùi Thị N (*Sau khi án có hiệu lực pháp luật*), anh Huỳnh Tấn V phải chịu lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Chị Bùi Thị N phải nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Đồng Nai theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0013265** ngày 28-5-2025 được chuyển thành tiền án phí.

4.2. Anh Huỳnh Tấn V phải nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị N, anh Huỳnh Tấn V, anh Trần Tiến T và chị Bùi Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Khu vực 5 - Đồng Nai;
- T.H.A dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND. xã Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng